

Bản án số: 120/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2024

V/v xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Vũ – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 978/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2023, về việc “*Tranh chấp về xác định cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 04/2024/TB-DS ngày 08/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Tuấn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: A T, khu phố G, thị trấn H, huyện H, Tp . – Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Hoàng A, sinh năm 2001. Địa chỉ: Địa chỉ: H H, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Tấn T trình bày:
Ông Vũ Tấn T và bà Nguyễn Thị T1 cư trú tại thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có đăng ký kết hôn tại UBND phường A1, quận T, Tp.H vào ngày 17/7/2012. Sau khi kết hôn thì bà T1 bỏ đi Tp . sinh sống. Khi quay về thì bà T1

đã mang bầu, đến năm 2015 bà T1 sinh con là cháu Vũ Thị Bảo H và đăng ký khai sinh tên vợ chồng ông T, vì đảm bảo quyền lợi cho cháu H nên ông T mới đồng ý đăng ký khai sinh cha là ông Vũ Tấn T. Khoảng năm 2015, sau khi sinh con xong thì bà T1 và cháu H về Tp. sinh sống và không sống chung với ông T. Nay đại diện theo ủy quyền cho ông T tôi xác định cháu Vũ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015 không phải là con ruột của ông Vũ Tấn T và bà Nguyễn Thị T1.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Tôi và ông Vũ Tuấn T có đăng ký kết hôn tại UBND phường A1, quận T, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 17/7/2012. Trong thời gian chung sống với anh T thì được sự đồng ý của anh T nên tôi có sinh con nhưng không phải là con ruột của anh T. Từ khi sinh ra cháu H có chung sống cùng nhau cùng nhau chăm sóc con. Đến năm 2019 thì tôi và con bỏ về Tp.B sinh sống.

Đối với cháu Vũ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015 anh T đã chấp nhận cháu H là con trên giấy tờ (theo giấy khai sinh) thì giải quyết trên giấy tờ và để con mang họ của anh T, mặc dù cháu H không phải là con đẻ giữa tôi và anh Vũ Tuấn T. Trong giấy khai sinh được đăng ký ngày 16/12/2015 xác nhận anh Vũ Tuấn T là cha đẻ của cháu Vũ Thị Bảo H chỉ để xác nhận thông tin làm khai sinh cho cháu H. Anh T không liên quan hay có quan hệ máu mủ, truyền thống với cháu H, anh T chỉ là cha nuôi của cháu H, tuy nhiên do anh T đã xác nhận và đồng ý đứng tôi trong giấy khai sinh, lấy họ của anh T, nên anh T có quyền và nghĩa vụ đối với cháu H như cha đẻ của cháu H.

Đối với việc giám định AND để xác định lại cha con của anh T với cháu H, tôi xét thấy không cần thiết, vì trong quá trình làm việc tại Tòa án tôi và anh T đều có xác nhận cháu H không phải là con đẻ của anh T và tôi. Đối với việc đưa cháu H đi giám định xác nhận AND do sợ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của cháu H nên tôi không đồng ý đưa đi giám định. Còn trường hợp anh T tự đi giám định và không ảnh hưởng đến sự phát triển và tâm sinh lý của cháu H thì tôi không có ý kiến gì.

Tôi xác nhận lại cháu H không phải là con đẻ giữa tôi và anh T, tôi cam kết lời trình bày của tôi tại Tòa án là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước quy định của pháp luật. Hiện tôi vẫn là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H, đối với việc tôi cùng anh T trực tiếp đưa cháu H đi giám định thì tôi không đồng ý.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản Điều 39; Điều 97; Điều 147, Điều 244, 266,

Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 89; Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Tấn T. Xác định giữa anh Vũ Tấn T và cháu Võ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015 không có quan hệ huyết thống cha con với nhau.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết và xác định cháu Vũ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015 không phải là con chung giữa ông Vũ Tấn T và bà Nguyễn Thị T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp về xác định cha cho con*” theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

[4] *Về nội dung vụ án:* Giữa ông T và bà T1 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A1, quận T, Tp.Hồ Chí Minh vào ngày 17/7/2012. Sau khi kết hôn thì bà T1 đã bỏ đi Tp .Hà Nội sinh sống, khi quay về thì đã mang bầu, đến năm 2015 bà T1 sinh con là cháu Vũ Thị Bảo H. Trong quá trình khai sinh do còn tình nghĩa vợ chồng nên ông T đồng ý xác nhận là cha của cháu Vũ Thị Bảo H. Khoảng năm 2015, sau khi sinh con xong thì bà T1 và cháu H bỏ về Tp. B sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do đó, ông T xác định cháu H không phải là con ruột của ông T và bà T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T1 xác nhận: Cháu Vũ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015 không phải là con ruột giữa bà với ông T. Trong thời gian chung sống với ông T, do ông T không có con nên bà T1 và ông T thống nhất để bà T1 mang bầu ở ngoài và sinh con là cháu H. Từ khi sinh ra cháu H, bà T1 và ông T có chung sống cùng nhau và chăm sóc cháu H. Đến năm 2019 thì bà T1 và cháu H bỏ về Tp .B sinh sống cho đến nay. Do trong giấy khai sinh được đăng ký ngày 16/12/2015 xác nhận anh Vũ Tuấn T là cha đẻ của cháu Vũ Thị Bảo H, nên anh T có quyền và nghĩa vụ đối với cháu H như cha đẻ của cháu H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các bên đều thừa nhận cháu Vũ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015 không phải là con ruột giữa ông Vũ Tấn T và bà Nguyễn Thị T1, bà T1 cũng xác nhận ông T không

có máu mủ, cùng huyết thống với cháu H. Quá trình giải quyết vụ án bà T1 đều cho rằng do ông T bị vô sinh nên bà T1 phải mang bầu ở ngoài để có con. Ngoài ra, theo bản kết quả xét nghiệm ADN số 1865GV/06.24/AND ngày 11/6/2024 của Công ty TNHH Đ xác nhận: Người có mẫu ghi tên Vũ Tấn T (ký hiệu: B1865GV.24) không có quan hệ huyết thống cha – con với người có mẫu ghi tên Vũ Thị Bảo H (ký hiệu: C1865GV.24). Như vậy, có căn cứ xác định giữa anh Vũ Tấn T và cháu Vũ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015 không có quan hệ huyết thống cha con với nhau.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Tấn T và xác định giữa anh Vũ Tấn T và cháu Vũ Thị Bảo H không có quan hệ huyết thống cha con với nhau.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Vũ Tấn T phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc xác định cha cho con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 89; Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Tấn T.

Xác định ông Vũ Tấn T, sinh ngày 30/12/1964; Số căn cước công dân: 022064015717 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021 không có quan hệ huyết thống cha con với cháu Vũ Thị Bảo H, sinh ngày 22/11/2015.

* **Về án phí:** Nguyên đơn ông Vũ Tấn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0004379 ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl